ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG TÂN HƯNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:358 /KH-UBND	*Tân Hưng, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Thực hiện chuẩn nghèo quốc gia; rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 và giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn phường Tân Hưng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 328/KH-UBND ngày 26/8/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về thực hiện chuẩn nghèo quốc gia; rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 và giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng ban hành Kế hoạch thực hiện chuẩn nghèo quốc gia; rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 và giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn phường như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai tổ chức thực hiện Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn phường; làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hỗ trợ các đối tượng theo quy định.

- Tổ chức rà soát, xác định, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 và giai đoạn 2027-2030 bảo đảm chính xác, đúng đối tượng, đúng quy trình, làm cơ sở thực hiện chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội.

- Đánh giá thực chất tình trạng nghèo đa chiều của từng hộ; xác định nguyên nhân nghèo, khả năng lao động, thu nhập, mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản và nhu cầu hỗ trợ để xây dựng giải pháp phù hợp.

- Quản lý, cập nhật đầy đủ cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; bảo đảm thông tin chính xác, thống nhất, phục vụ công tác quản lý, theo dõi và thực hiện chính sách.

- Tập trung các giải pháp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có khả năng lao động nâng cao thu nhập, tạo việc làm, tiếp cận tín dụng, học nghề, phát triển sinh kế; đồng thời bảo đảm chính sách trợ giúp đối với các thành viên không có khả năng lao động.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát, xác định và công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo phải bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch, đúng đối tượng, đúng tiêu chí, đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

- Việc rà soát phải phản ánh đúng thực trạng đời sống của hộ dân, không bỏ sót đối tượng, không xác định sai đối tượng; hạn chế tình trạng trục lợi chính sách.

- Bảo đảm sự tham gia, phối hợp của tổ dân phố, các cơ quan chuyên môn, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng dân cư.

- Kết quả rà soát phải gắn với việc phân loại nguyên nhân nghèo, mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản, khả năng lao động và nhu cầu hỗ trợ của từng hộ, không chỉ dừng ở việc xác định danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Việc quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo phải bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và đúng quy định.

II. CHUẨN NGHÈO VÀ ĐỐI TƯỢNG RÀ SOÁT

1. Chuẩn nghèo năm 2026

Trong năm 2026, tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 theo Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026, làm căn cứ xác định đối tượng thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội trong năm 2026. Nội dung này được Kế hoạch của thành phố xác định trên cơ sở Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP.

Việc rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Chuẩn nghèo giai đoạn 2027-2030

Theo Nghị định số 351/2025/NĐ-CP, đối với khu vực đô thị:

- Hộ nghèo là hộ có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Hộ cận nghèo là hộ có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

Các chiều và chỉ số thiếu hụt gồm:

1- Việc làm: chỉ số việc làm, chỉ số người phụ thuộc trong hộ gia đình.

2- Y tế: chỉ số bảo hiểm y tế, chỉ số dinh dưỡng.

3- Giáo dục: chỉ số trình độ giáo dục của người lớn, chỉ số tình trạng đi học của trẻ em.

4- Nhà ở: chỉ số diện tích nhà ở bình quân đầu người, chỉ số chất lượng nhà ở.

5- Thông tin: chỉ số sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ số cơ bản.

6- Nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường: chỉ số nguồn nước sinh hoạt, chỉ số nhà tiêu hợp vệ sinh, chỉ số xử lý rác thải.

Việc rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo giai đoạn 2027-2030 thực hiện theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đối tượng rà soát

- Hộ gia đình đang cư trú trên địa bàn phường theo quy định.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo đang được quản lý.

- Hộ có nguy cơ nghèo, cận nghèo hoặc có biến động về thu nhập, việc làm, nhân khẩu, điều kiện sống và mức độ tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.\

- Hộ có đề nghị rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tổ chức rà soát, xác định và công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

1.1. Tuyên truyền, phổ biến

Tổ chức tuyên truyền về chuẩn nghèo đa chiều, đối tượng, tiêu chí, quy trình rà soát, chính sách hỗ trợ và trách nhiệm của người dân trong việc cung cấp thông tin trung thực.

Nội dung tuyên truyền tập trung vào:

- Chuẩn nghèo đa chiều năm 2026 và giai đoạn 2027-2030.

- Quy trình, phương pháp rà soát, xác định và công nhận hộ nghèo, hộ cận

nghèo, hộ thoát nghèo.

- Quyền, trách nhiệm của hộ gia đình trong quá trình rà soát.

- Các chính sách về y tế, giáo dục, việc làm, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, thông tin, tín dụng và trợ giúp xã hội.

- Vận động hộ nghèo, hộ cận nghèo chủ động tham gia học nghề, tìm việc làm, phát triển sinh kế, sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ để vươn lên thoát nghèo.

1.2. Rà soát tại tổ dân phố

Tổ chức rà soát theo đúng quy trình, phương pháp và biểu mẫu được cấp có thẩm quyền hướng dẫn.

Tập trung thu thập, xác minh các thông tin về:

- Nhân khẩu, lao động và người phụ thuộc;

- Thu nhập và khả năng tạo thu nhập của hộ;

- Việc làm, tình trạng việc làm của các thành viên;

- Trình độ giáo dục và tình trạng đi học của trẻ em;

- Tình trạng tham gia bảo hiểm y tế;

- Điều kiện nhà ở;

- Nguồn nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh và xử lý rác thải;

- Khả năng tiếp cận thông tin, viễn thông và dịch vụ số;

- Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản;

- Nguyên nhân nghèo và nhu cầu hỗ trợ của hộ.

1.3. Kiểm tra, xác minh và công khai

Kết quả rà soát phải được kiểm tra, tổng hợp và công khai theo đúng quy định; tạo điều kiện để người dân tham gia ý kiến, phản ánh, kiến nghị.

Đối với trường hợp có ý kiến khác nhau hoặc có dấu hiệu xác định chưa chính xác, tổ chức kiểm tra, xác minh lại trước khi trình cấp có thẩm quyền công nhận.

1.4. Công nhận và quản lý kết quả

Trên cơ sở kết quả rà soát và quy định hiện hành, thực hiện công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo thẩm quyền; cập nhật đầy đủ kết quả vào cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý và thực hiện chính sách.

IV. PHÂN LOẠI HỘ VÀ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ

1. Phân loại theo nguyên nhân nghèo

Sau khi có kết quả rà soát, thực hiện phân loại hộ theo các nhóm nguyên nhân chủ yếu:

- Thiếu việc làm, việc làm không ổn định, thu nhập thấp;

- Thành viên không có khả năng lao động;

- Người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em hoặc đối tượng yếu thế;

- Thiếu điều kiện tiếp cận y tế, giáo dục;

- Khó khăn về nhà ở;

- Thiếu nước sinh hoạt, vệ sinh và điều kiện môi trường;

- Hạn chế tiếp cận thông tin, dịch vụ số;

- Khó khăn về vốn, sinh kế;

- Các nguyên nhân khác theo kết quả rà soát.

2. Phân loại theo khả năng thoát nghèo

- Nhóm hộ có khả năng thoát nghèo: tập trung hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề, vay vốn, phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tăng thu nhập.

- Nhóm hộ có khả năng lao động nhưng thiếu việc làm: tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp, đào tạo nghề, hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- Nhóm hộ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản: xác định từng chỉ số thiếu hụt để có giải pháp hỗ trợ cụ thể.

- Nhóm hộ không có khả năng lao động: thực hiện đầy đủ các chính sách trợ giúp xã hội, bảo trợ xã hội, chăm sóc và hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ cơ bản theo quy định.

Nhóm hộ có nguy cơ tái nghèo, hộ mới thoát nghèo: tiếp tục theo dõi, hỗ trợ phù hợp, nhất là về việc làm, sinh kế, tín dụng và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Kế hoạch của thành phố yêu cầu cấp xã căn cứ kết quả rà soát để phân loại theo nguyên nhân nghèo, khả năng lao động, mức độ thiếu hụt và nhu cầu hỗ trợ; đối với khu vực đô thị ưu tiên đào tạo nghề, chuyển đổi nghề, giới thiệu việc làm, hỗ trợ sinh kế phi nông nghiệp, kinh doanh nhỏ, dịch vụ, thương mại và chuyển đổi số.

V. CÁC GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

1. Hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề, tăng thu nhập

- Khảo sát nhu cầu học nghề, việc làm của thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối người lao động với doanh nghiệp.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề phù hợp với điều kiện của người lao động.

- Khuyến khích phát triển kinh doanh nhỏ, dịch vụ, thương mại, kinh tế hộ gia đình.

- Hỗ trợ người lao động có nhu cầu đi làm việc ngoài địa phương hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định.

- Theo dõi kết quả việc làm và thu nhập sau khi được hỗ trợ.

2. Hỗ trợ tín dụng chính sách

Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác rà soát nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tạo điều kiện để các hộ đủ điều kiện tiếp cận nguồn vốn kịp thời.

Ưu tiên vốn cho các phương án tạo việc làm, phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cải thiện điều kiện sống theo quy định.

3. Hỗ trợ về y tế

- Rà soát tình trạng tham gia bảo hiểm y tế của thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế và chăm sóc sức khỏe theo quy định.

- Theo dõi các trường hợp có nguy cơ thiếu hụt về y tế, dinh dưỡng để có giải pháp hỗ trợ phù hợp.

4. Hỗ trợ về giáo dục

- Rà soát trẻ em trong hộ nghèo, hộ cận nghèo có nguy cơ bỏ học hoặc không đi học đúng độ tuổi.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các chính sách giáo dục khác theo quy định.

- Tư vấn, định hướng học nghề cho thành viên trong độ tuổi lao động.

5. Hỗ trợ về nhà ở

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhà ở tạm, nhà ở xuống cấp, không bảo đảm an toàn; phối hợp thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở theo chương trình, chính sách của Trung ương và thành phố.

6. Nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường

Rà soát các hộ còn thiếu hụt về nguồn nước sinh hoạt, nhà tiêu hợp vệ sinh và xử lý rác thải; hướng dẫn, hỗ trợ hộ gia đình cải thiện điều kiện sinh hoạt, bảo đảm vệ sinh môi trường.

7. Hỗ trợ tiếp cận thông tin và chuyển đổi số

- Hướng dẫn hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận dịch vụ viễn thông, internet và dịch vụ số cơ bản.

- Hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin về việc làm, chính sách xã hội, tín dụng và các dịch vụ công.

- Từng bước cập nhật, quản lý thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo trên nền tảng dữ liệu theo hướng đồng bộ, chính xác.

VI. XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU

1. Cập nhật đầy đủ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo vào hệ thống, cơ sở dữ liệu theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thường xuyên cập nhật biến động về nhân khẩu, việc làm, thu nhập, mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản và tình trạng thoát nghèo, tái nghèo.

3. Đối chiếu, phối hợp khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định.

4. Bảo đảm thông tin phục vụ quản lý chính sách chính xác, hạn chế trùng lặp, sai đối tượng.

5. Việc thu thập, lưu trữ, chia sẻ, công khai và sử dụng thông tin phải bảo đảm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin. Kế hoạch thành phố cũng xác định việc xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và cập nhật thường xuyên các thông tin về nhân khẩu, việc làm, thu nhập, mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản là một nhiệm vụ trọng tâm.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan chủ trì, tham mưu UBND phường tổ chức thực hiện Kế hoạch.

- Hướng dẫn, đôn đốc các tổ dân phố thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo đúng quy trình.

- Tổng hợp, kiểm tra, thẩm định kết quả rà soát; tham mưu UBND phường công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định.

- Chủ trì quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; tổng hợp báo cáo UBND thành phố và cơ quan chuyên môn theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tham mưu giải pháp hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất, đào tạo nghề, việc làm, tín dụng và giảm nghèo bền vững.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Phối hợp rà soát, xác định các chỉ tiêu thiếu hụt về y tế, giáo dục, việc làm, thông tin, trợ giúp xã hội và các dịch vụ xã hội cơ bản khác thuộc lĩnh vực phụ trách.

- Phối hợp thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách về bảo hiểm y tế,

giáo dục, trợ giúp xã hội, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng yếu thế thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Phối hợp tuyên truyền về chính sách giảm nghèo trên địa bàn.

3. Phòng Kinh tế

- Phối hợp rà soát nhu cầu hỗ trợ sinh kế, phát triển kinh tế hộ gia đình, sản xuất, kinh doanh của hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức liên quan tạo điều kiện để các hộ đủ điều kiện tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách.

- Hướng dẫn, giới thiệu các mô hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp.

- Phối hợp hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, phát triển sinh kế và tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

4. Công an phường

- Phối hợp cung cấp, đối chiếu thông tin dân cư phục vụ công tác rà soát theo quy định.

- Phối hợp xác minh thông tin nhân khẩu khi cần thiết.

- Bảo đảm việc khai thác, sử dụng thông tin dân cư đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

5. Trạm Y tế phường

- Phối hợp rà soát tình trạng bảo hiểm y tế của hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng liên quan.

- Theo dõi, đánh giá các chỉ số thiếu hụt về y tế, dinh dưỡng.

- Hướng dẫn người dân tiếp cận các dịch vụ khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe.

- Phối hợp thực hiện các chính sách hỗ trợ y tế theo quy định.

6. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn

- Phối hợp rà soát tình trạng đi học của trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Kịp thời cung cấp thông tin phục vụ đánh giá chỉ số thiếu hụt về giáo dục.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ học sinh thuộc diện được hưởng chính sách theo quy định.

7. Các tổ dân phố

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách giảm nghèo đến Nhân dân.

- Phối hợp rà soát đầy đủ các hộ gia đình trên địa bàn.

- Cung cấp thông tin về tình hình đời sống, việc làm, thu nhập và những biến động của hộ dân.

- Tham gia xác minh, bình xét, công khai kết quả theo quy định.

- Theo dõi tình hình hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; kịp thời phản ánh trường hợp phát sinh nghèo, tái nghèo hoặc có thay đổi điều kiện sống.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia công tác giảm nghèo.

- Tham gia giám sát việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Vận động nguồn lực hợp pháp hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn.

- Phối hợp tư vấn, hỗ trợ sinh kế, việc làm và vận động các hộ chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững.

9. Ngân hàng Chính sách xã hội và các đơn vị liên quan

Phối hợp triển khai các chính sách tín dụng ưu đãi; rà soát nhu cầu vay vốn, hướng dẫn thủ tục, tạo điều kiện để hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đủ điều kiện được tiếp cận vốn kịp thời, sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả.

VIII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Năm 2026

- Trong tháng 9/2026: Tổ chức tuyên truyền, quán triệt Kế hoạch; tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, tổ trưởng tổ dân phố và lực lượng tham gia rà soát.

- Tháng 9-10/2026: Tổ chức rà soát, thu thập thông tin, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định.

- Sau khi hoàn thành rà soát: Tổ chức họp dân tại tổ dân phố, tổng hợp, thẩm định và niêm yết công khai kết quả.

- Hoàn thành công nhận kết quả: Thực hiện theo thời gian, tiến độ do UBND thành phố và cơ quan chuyên môn thành phố hướng dẫn.

- Từ ngày 01/01/2027: Sử dụng kết quả rà soát theo chuẩn nghèo giai đoạn 2027-2030 làm căn cứ thực hiện chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội theo quy định.

2. Giai đoạn 2027-2030

Hàng năm tổ chức rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Trên cơ sở kết quả rà soát hằng năm:

- Cập nhật biến động của từng hộ;

- Phân loại nguyên nhân nghèo và nhu cầu hỗ trợ;

- Xây dựng phương án giảm nghèo phù hợp từng nhóm hộ;

- Theo dõi kết quả thoát nghèo, nguy cơ tái nghèo;

- Đánh giá hiệu quả các chính sách hỗ trợ;

- Kịp thời điều chỉnh giải pháp đối với những hộ chưa có khả năng thoát nghèo bền vững.

IX. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và khả năng cân đối của phường.

2. Nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội.

3. Nguồn kinh phí lồng ghép từ các chương trình, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định.

4. Nguồn huy động hợp pháp từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, Quỹ "Vì người nghèo" và cộng đồng.

5. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện đúng quy định của pháp luật; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, không trùng lặp đối tượng và nội dung hỗ trợ.

X. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, tham mưu UBND phường báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định.

2. Các phòng, đơn vị, tổ dân phố được giao nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện, cung cấp số liệu, thông tin theo yêu cầu.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và thực hiện chính sách hỗ trợ; tập trung vào các nội dung có nguy cơ sai đối tượng, thiếu công khai, minh bạch hoặc thực hiện chưa đúng quy định.

4. Kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp xác định sai đối tượng, lợi dụng chính sách, sử dụng kinh phí không đúng mục đích hoặc thực hiện không đúng quy định.

5. Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả giảm nghèo trên địa bàn; đánh giá không chỉ số lượng hộ thoát nghèo mà cả mức độ cải thiện thu nhập, việc làm, khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản và nguy cơ tái nghèo.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trưởng các phòng, đơn vị thuộc UBND phường; Trưởng các tổ dân phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ dân phố kịp thời phản ánh về Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND phường xem xét, chỉ đạo hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, giải quyết.

Trường hợp các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn có liên quan được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

Nơi nhận:
- UBND thành phố (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- TT Đảng uỷ, TT HĐND phường (để b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND phường;
- UBMTTQVN phường;
- Các phòng, đơn vị liên quan;
- Các tổ dân phố;
- Lưu: VT, XDNNMT;

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG TÂN HƯNG T.P HẢI PHÒNG

Nguyễn Tiến Dương